

Bản án số: 208/2020/DS-ST

Ngày: 27-8-2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn.

Bà Cao Kim Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2736/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3120/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: đường N, Phường P, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm: 1970; địa chỉ: Khu phố V1, phường D, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 1526/2019/UQ-TTT ngày 30 tháng 8 năm 2019).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đường N1, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lã Ngọc M trình bày:

Ngày 05 tháng 02 năm 2015, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ký kết với bị đơn ông Nguyễn Thanh V hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của bị đơn, nguyên đơn đã cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.181.702 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 25.855.000 đồng kể từ ngày kích hoạt thẻ.

Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở, bị đơn vẫn chưa thanh toán số nợ còn lại. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp với bị đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời nguyên đơn cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bị đơn trả nợ. Tuy nhiên, bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền tạm tính đến ngày 27 tháng 8 năm 2020 là 24.297.662 đồng, gồm: 11.734.118 đồng nợ gốc; 12.563.544 đồng nợ lãi quá hạn. Bị đơn còn phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Thanh V có địa chỉ cư trú tại Đường N1, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 11.734.118 đồng nợ gốc:

[5] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05 tháng 02 năm 2015, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của nguyên đơn có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2014 và ngày 15 tháng 8 năm 2016, bảng sao kê tín dụng, có cơ sở xác định bị đơn được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng MC Credit Classic, số thẻ 512341-3461 với hạn mức sử dụng thẻ là 10.000.000 đồng.

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đều thông báo chi tiết các giao dịch phát sinh, các khoản lãi, phí, số dư nợ, thời hạn thanh toán cho bị đơn và bị đơn không khiếu nại các thông báo giao dịch, tiền lãi và dư nợ hàng tháng mà vẫn đóng tiền. Bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 31.181.702 đồng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 25.855.000 đồng và ngưng không thanh toán đến nay. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 06 tháng 12 năm 2017, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của bị đơn, chốt số nợ gốc là 11.734.118 đồng và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán 11.734.118 đồng nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi quá hạn tính đến ngày 27 tháng 8 năm 2020 là 12.563.544 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng:

[8] Tại Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04 tháng 7 năm 2011 của nguyên đơn về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh thẻ tín dụng quốc tế Sacombank thì mức lãi suất là 2,15%/tháng; mức lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn là 3,225%/tháng, áp dụng kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2011 đối với tất cả thẻ tín dụng quốc tế nguyên đơn phát hành cho khách hàng.

[9] Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của

tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[10] Do đó, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 12.563.544 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 27 tháng 8 năm 2020 của thẻ MC Credit Classic, số thẻ 512341-3461 là có cơ sở chấp nhận. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 28 tháng 8 năm 2020 theo các điều 22, 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2014 và ngày 15 tháng 8 năm 2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[11] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Thanh V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 24.297.662 đồng, gồm: 11.734.118 đồng nợ gốc và 12.563.544 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 27 tháng 8 năm 2020 của thẻ MC Credit Classic, số thẻ 512341-3461.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.214.883 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 489.816 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã

nộp theo biên lai số AA/2019/0005653 ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 05 tháng 02 năm 2015, Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2014 và ngày 15 tháng 8 năm 2016 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Kim Huệ